ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
PHƯỜNG AN HẢI
**BAN THƯỜNG TRỰC**
Số: 32 /QĐ-UBMT-BTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*An Hải, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM PHƯỜNG AN HẢI**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND phường An Hải về việc giao dự toán dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.*

## .QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường An Hải *(theo biểu đính kèm)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng đơn vị, cán bộ công chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường An Hải thực hiện Quyết định này./.

***Nơi nhận***:
- UBND phường;
- Phòng KT,HT,ĐT phường;
- Lưu: VP.

**TM.BAN THƯỜNG TRỰC**
**CHỦ TỊCH**

**Đặng Đình Hưởng**

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM PHƯỜNG AN HẢI**
**Chương: 820**

# DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
## NĂM 2026

Đơn vị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường An Hải
Mã số: 1145371
Mã KBNN nơi giao dịch: 0168
*(Kèm theo Quyết định số:1314 /QĐ-UBMT-BTT, ngày31 tháng 12 năm 2025*
*của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường An Hải)*

*Đvt: 1.000 đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|---|---|---|
| **A** | **Cơ sở tính** | |
| 1 | Biên chế được giao | 20 |
| 2 | Biên chế thực tế | 17 |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **13.337.827** |
| **I** | **Nguồn tự chủ** | **3.465.516** |
| **1** | **Chi quản lý nhà nước** | **3.465.516** |
| - | Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương | 2.500.716 |
| - | Chi khác theo định biên (Đã trừ 10% TK CCTL) | 964.800 |
| **II** | **Nguồn không tự chủ** | **9.872.311** |
| **1** | **Chi quản lý nhà nước** | **9.872.311** |
| ***1.1*** | ***Mặt trận*** | ***5.246.211*** |
| - | Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP | 159.157 |
| - | Phụ cấp trưởng, phó Ban công tác mặt trận | 3.484.848 |
| - | Kinh phí mua báo cho Trưởng ban CTMT | 153.363 |
| - | Kinh phí duy trì phần mềm kế toán | 3.000 |
| - | Hoạt động Mặt trận phường | 292.000 |
| - | Hoạt động Mặt trận KDC | 387.000 |
| - | KP thực hiện CVĐ “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” cấp phường | 84.000 |

| | | |
|---|---|---|
| - | KP thực hiện Cuộc vân động "TDĐKXDNTM, ĐTVM" tại khu dân cư | 742.000 |
| - | Kinh phí BCĐ Quy chế dân chủ | 30.000 |
| - | Kinh phí hoạt động quản lý Quỹ VNN | 70.000 |
| - | Tổ chức công diễn văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn | 318.000 |
| ***1.2*** | ***Hội Liên hiệp Phụ nữ*** | ***1.366.600*** |
| - | Phụ cấp chi hội trưởng | 940.800 |
| - | Hoạt động Hội LHPN phường | 204.800 |
| - | Kinh phí hoạt động chi hội khu dân cư | 191.000 |
| - | Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ | 30.000 |
| ***1.3*** | ***Hội Nông dân*** | ***1.018.100*** |
| - | Phụ cấp chi hội trưởng | 642.000 |
| - | Kinh phí hoạt động chi hội khu dân cư | 135.300 |
| - | Hoạt động Hội Nông dân phường | 240.800 |
| ***1.4*** | ***Hội Cựu chiến binh*** | ***1.313.200*** |
| - | Phụ cấp chi hội trưởng | 902.400 |
| - | Kinh phí hoạt động chi hội khu dân cư | 182.000 |
| - | Hoạt động Hội Cựu chiến binh phường | 228.800 |
| ***5*** | ***Đoàn TNCSHCM*** | ***908.200*** |
| - | Phụ cấp Bí thư chi đoàn | 487.200 |
| - | Hoạt động Đoàn phường | 276.800 |
| - | Hoạt động hè | 45.000 |
| - | Kinh phí hoạt động chi đoàn khu dân cư | 99.200 |
| **2** | **Sự nghiệp y tế** | **20.000** |
| - | Kinh phí mua thẻ BHYT cho Trưởng ban Công tác Mặt trận khu dân cư | 20.000 |